

Bản án số: 951/2024/HS-PT

Ngày: 22/10/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thu Thủy**.

Các thẩm phán: Bà **Trần Thị Lê Na**

Ông **Nguyễn Ngọc Huân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Hùng**, Thẩm tra viên TAND
TP. Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Duyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 840/2024/HSPT ngày: 01/10/2024 với bị cáo **NGUYỄN VĂN T**, do có kháng cáo của bị cáo **NGUYỄN VĂN T** đối với Bản án sơ thẩm số: 223/2024/HS-ST ngày: 22/8/2024, của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, TP. Hà Nội, đối với:

Bị cáo có kháng cáo: **NGUYỄN VĂN T**, (Tên gọi khác: Nguyễn Văn Th), sinh năm 1978; Hộ khẩu thường trú:, thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo, đảng phái: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/12; Con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết), con bà Hồ Thị Y, sinh năm 1955; vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1980; 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đầu thú, tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/3/2024 tại Trại tạm giam số 2-Công an thành phố Hà Nội. *Có mặt tại phiên tòa*

Bị hại không có kháng cáo: Ông Nguyễn Duy Tr, sinh năm 1959; địa chỉ:, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo:

1. Ông Bạch Xuân P, sinh năm 1964; trú tại: ..., tỉnh Lạng Sơn. *Vắng mặt.*

2. Anh Đỗ Quốc H, sinh năm 1981; HKTT:, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1980; trú tại:, thành phố Hà Nội. Vắng mặt).

4. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1980; tạm trú tại:, thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

NGUYỄN VĂN T và ông Nguyễn Duy Tr quen biết nhau và cùng làm nghề lái xe ôm. Ông Tr có thuê T để chở khách hoặc khi T có khách thuê chở thì T mượn xe ô tô của ông Tr để chở khách sau đó chia đôi số tiền công.

Ngày 13/7/2009, ông Tr mua chiếc xe ô tô 7 chỗ nhãn hiệu TOYOTA ZACE GL, màu xanh, biển kiểm soát (BKS) 30L- 8561 của ông Nguyễn Văn Thi, SN 1977, trú tại: tổ 6, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội với giá 350.000.000 đồng và hai bên đã bàn giao giấy tờ gồm: Giấy bán, cho tặng xe do ông Thi viết tay; Đăng ký xe, sổ chứng nhận kiểm định xe cơ giới; Bảo hiểm xe, hồ sơ gốc đều mang tên Nguyễn Văn Thi.

Do cần tiền để đi vào miền Nam sinh sống, khoảng 09 giờ 00 phút ngày 24/7/2009, T đến nhà ông Tr mượn xe chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA ZACE GL, sơn màu xanh, BKS 30L-8561 với lý do chở khách đi Thiên Cầm, Hà Tĩnh ba ngày và hỏi vay của ông Tr số tiền 1.000.000 đồng để đổ xăng. Ông Tr tưởng T nói thật nên đã đồng ý và gọi điện thoại cho ông Nguyễn Văn Thi (là bạn của ông Tr) vay tiền hộ T, ông Tr giao chiếc xe ô tô trên cùng giấy tờ xe gồm: đăng ký xe, sổ chứng nhận kiểm định xe cơ giới (bản chính) cho T. Ngay sau khi nhận được chiếc ô tô của ông Tr, T đã điều khiển chiếc đến gara ô tô Vạn Xuân ở Km 15, quốc lộ 6A thuộc phường Phú Lãm, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội gặp ông Thi. Tại đây, ông Thi kiểm tra kỹ thuật chiếc xe ô tô giúp T và đưa cho T số tiền 1.000.000 đồng (như ông Tr gọi từ trước). Sau đó, T điều khiển xe ô tô đi tìm nơi cầm cố nhưng không được nên đã mang chiếc xe của ông Tr đến nhà anh Nguyễn Hữu Thắng, SN1980, ở xóm 5, thôn Đông Lao, xã Đông La, Hện Hoài Đức, thành phố Hà Nội gửi.

Ngày 28/7/2009, T mang chiếc xe ô tô của ông Tr cùng giấy tờ xe đến cửa hàng cầm đồ ở số 1B, phố Phan Huy Chú, phường Yết Kiêu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội do anh Đỗ Quốc H, SN 1981, HKTT: số 15, ngõ 1, Phùng Hưng, tổ 2, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, hiện ở: C305 chung cư Thới An, đường Lê Thị Riêng, phường Thới An, quận 12,

thành phố Hồ Chí Minh làm chủ, cầm cố cho anh H lấy số tiền 200.000.000 đồng, thỏa T lãi suất 3000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, trong thời hạn 15 ngày, T viết giấy bán xe và để lại chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Hùng T cho anh H. Sau khi cầm cố chiếc xe ô tô trên, T chặn liên lạc với ông Tr, bỏ trốn và ăn tiêu hết số tiền trên.

Ngày 30/7/2009, anh H nhờ anh Nguyễn Văn Đại, SN 1984, trú tại: số 1B Phan H Chú, phường Yết Kiêu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, hiện ở số 11A ngõ 163/33 Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội cầm cố chiếc xe ô tô trên cho anh Nguyễn Tiến D, SN 1980, trú tại: tổ dân phố Bạch Đằng, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội lấy số tiền 220.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, trong thời hạn 01 tháng và hai bên viết giấy bán chiếc xe ô tô trên. Do thiếu giấy tờ hồ sơ gốc, anh D giữ lại số tiền 20.000.000 đồng. Sau đó, anh H đưa anh Đại trả tiền lãi 10 ngày/01 lần cho anh D. Sau 01 tháng, T không liên lạc, không đến lấy xe nên anh H không trả tiền lãi cho anh D.

Đến ngày 03/3/2010, anh D bán chiếc xe ô tô trên kèm theo đăng ký, đăng kiểm xe cho ông Bạch Xuân P, SN 1964, trú tại: số 14 đường Trần Phú, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn với giá 260.000.000 đồng.

Ngày 04/8/2009, sau nhiều ngày không liên lạc được với T, ông Tr có đơn tố giác đến Công an quận Hà Đông sự việc NGUYỄN VĂN T chiếm đoạt chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA ZACE GL, sơn màu xanh, BKS: 30L-8561 của ông.

Khoảng 10 giờ ngày 05/6/2010, ông Tr gặp ông P điều khiển chiếc xe ô tô TOYOTA ZACE GL ZACE GL, sơn màu xanh, BKS 30L-8561 của mình trên đường nên báo Công an quận Hà Đông giải quyết và giữ lại xe.

Vật chứng thu giữ:

- *Thu giữ của ông Bạch Xuân P (Bút lục 108):* 01(một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA ZACE GL, màu xanh, BKS 30L - 8561, số máy 7K - 0493804, số khung KF3 - 6903273, đã qua sử dụng; 01 (một) Đăng ký xe ô tô số 116862 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Hà Nội cấp ngày 5/6/2009 cho chủ xe là Nguyễn Văn Thi, ở Đội 1 Nghĩa Lộ - Yên Nghĩa - Hà Đông; biển số xe 30L - 8561; loại xe: Toyota; số máy: 0493804; số khung: 6903273; 01 (một) sổ chứng nhận kiểm định của xe ô tô 30L - 8561;

- *Thu giữ của anh Đỗ Quốc H:* 01 (một) chứng minh thư nhân dân mang tên NGUYỄN HÙNG T, sinh ngày 22/12/1978, trú tại: Yên Nghĩa, TX Hà Đông, Hà Tây, số 111437130, cấp ngày 07/6/2005 tại Công an tỉnh Hà Tây.

Ngày 22/6/2010, Cơ quan CSĐT Công an quận Hà Đông ra yêu cầu định giá đối với chiếc ô tô đã thu giữ nêu trên. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 109/KL-HĐ ngày 01/7/2010 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận Hà Đông kết luận (Bút lục 08-09): Xe ô tô 7 chỗ ngồi, nhãn hiệu Toyota Zace GL, màu xanh, biển kiểm soát 30L – 8561, số máy: 0493804, số khung: 6903273, tại thời điểm định giá trị giá 200.000.000 đồng.

Ngày 22/6/2010, Cơ quan CSĐT Công an quận Hà Đông ra Quyết định trưng cầu giám định số 236 về số khung, số máy của chiếc xe ô tô thu giữ. Tại Bản kết luận giám định số 1008/PC54 ngày 29/6/2010 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận (Bút lục 07): “Xe ô tô nhãn hiệu ZACE, đeo biển số 30L-8561, sơn màu xanh đen, có số khung KF3-6903273, số máy 7K-0493804 là số nguyên thủy”.

Ngày 14/3/2023, Cơ quan điều tra Công an quận Hà Đông ra Quyết định trưng cầu giám định số 179 giám định chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Hùng T. Tại Bản kết luận giám định số 2072/KL-KTHS ngày 07/4/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận (Bút lục 123): Giấy chứng minh nhân dân số 111437130 cần giám định không phát hiện dấu vết tẩy xóa, sửa chữa, thay ảnh. Hình dấu, chữ ký đúng với mẫu lưu tại Phòng kỹ thuật hình sự- Công an thành phố Hà Nội.

Ngày 19/3/2024, NGUYỄN VĂN T đến Cơ quan điều tra xin đầu thú khai nhận hành vi của bản thân như đã nêu trên.

Đối với anh Đỗ Quốc H, anh Nguyễn Văn Đại, anh Nguyễn Tiến D, anh Nguyễn Hữu Thắng, ông Bạch Xuân P là người nhận gửi, cầm cố và mua bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA ZACE GL, sơn màu xanh, BKS: 30L-8561. Tuy nhiên, các anh H, Đại, Dũng, Thắng và ông P không biết tài sản T chiếm đoạt mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA ZACE GL, sơn màu xanh, BKS 30L-8561, số khung KF3-6903273, số máy 7K0493804 đã thu giữ là chiếc xe NGUYỄN VĂN T đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Duy Tr. Kết quả điều tra xác định: chiếc xe được đăng ký sở hữu mang tên Nguyễn Văn Thi, là tài sản hợp pháp của Nguyễn Duy Tr. Ngày 20/01/2011, Cơ quan CSĐT Công an quận Hà Đông đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức tạm giao chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA ZACE GL, sơn màu xanh, BKS 30L-8561, số khung KF3-6903273, số máy 7K0493804; đăng ký xe, sổ đăng kiểm của chiếc xe ô tô trên cho ông Nguyễn Duy Tr.

Tại Cáo trạng số 104/CT-VKS-HĐ ngày 02/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông đã truy tố NGUYỄN VĂN T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 223/2024/HSST ngày 22/8/2024, Tòa án nhân dân quận Hà Đông đã quyết định xử phạt bị cáo NGUYỄN VĂN T 36 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự;

- Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, quyền kháng cáo.
- Ngày 29/8/2024 Bị cáo có đơn kháng cáo nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi đánh giá tính chất mức độ hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 223/2024/HS-ST ngày 22/8/2024, của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, Hà Nội phạt bị cáo NGUYỄN VĂN T 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 60 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo là đúng về chủ thể kháng cáo và còn trong thời hạn kháng cáo nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng vật chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo NGUYỄN VĂN T lợi dụng việc có quen biết và cùng làm ăn với ông Nguyễn Duy Tr nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của ông Tr. Ngày 24/7/2009, bị cáo NGUYỄN VĂN T đến nhà ông Tr mượn xe chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA ZACE GL, sơn màu xanh, BKS 30L-8561 lấy lý do chở khách đi Thiên Cầm, Hà Tĩnh ba ngày và hỏi vay của ông Tr số tiền 1.000.000 đồng để đi xăng. Do tin tưởng T nên ông Tr đã đồng ý cho mượn xe và gọi điện thoại cho ông Nguyễn Văn Thi (là bạn của ông Tr) vay tiền hộ T. Ông Tr giao chiếc xe ô tô trên cùng giấy tờ xe gồm: đăng ký xe, sổ chứng nhận kiểm định xe cơ giới (bản chính) cho T. Ngày 28/7/2009, T mang chiếc xe ô tô của ông Tr cùng giấy tờ xe đến cửa hàng cầm đồ ở số 1B, phố Phan Huy Chú, phường Yết Kiêu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội do anh Đỗ Quốc H làm chủ, cầm cố cho anh H lấy

số tiền 200.000.000 đồng. Bị cáo chặn toàn bộ liên lạc với ông Tr, ăn tiêu hết số tiền trên. Do bị cáo đến hạn không đến lấy xe và giấy tờ nên anh H đã phải nhờ anh Nguyễn Văn Đại cầm cố chiếc xe ô tô trên cho anh Nguyễn Tiến D được 220.000.000 đồng. Do xe thiếu giấy tờ nên anh D vẫn giữ lại 20.000.000 đồng. Bị cáo không đến lấy xe, không liên lạc nên anh H không trả tiền cầm cố xe cho anh D. Anh D bán chiếc xe ô tô trên cho anh Bạch Xuân P được 260.000.000 đồng. Sự việc trên ông Tr đã làm đơn tố cáo bị cáo. Ông Tr phát hiện ông P điều khiển chiếc xe ô tô trên đi trên đường nên đã trình báo công an. Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá, giá trị chiếc xe ô tô bị cáo chiếm đoạt là 200.000.000 đồng. Chiếc xe đã được thu hồi trả lại cho ông Tr. Gia đình bị cáo đã trả tiền cho ông P xong.

Hành vi của bị cáo NGUYỄN VĂN T đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo nói trên theo tội danh khung hình phạt là có căn cứ đúng pháp luật.

[3]Xét kháng cáo bị cáo NGUYỄN VĂN T, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra đã được bị cáo khắc phục nên mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội được giảm đáng kể. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng coi thường pháp luật nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đánh giá đúng về tội danh khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ tại cấp sơ thẩm được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, bị cáo lần đầu phạm tội, sau khi phạm tội đã bỏ trốn nhưng sau đó đã đầu thú, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng là có căn cứ đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hành vi phạm tội.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm vợ bị cáo nộp đơn có xác nhận của nơi cư trú gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính nuôi 2 con nhỏ, đây là tình tiết mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo lần đầu phạm tội, chưa có tiền án tiền sự, thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra đã được khắc phục hoàn toàn nên mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội đã được giảm đáng kể, bị cáo có hoàn cảnh khó

khẩn là lao động chính, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly bị cáo mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo. Vì vậy chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm số: 223/2024/HS-ST ngày 22/8/2024, của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, TP. Hà Nội cho bị cáo hưởng án treo là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 355 điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo NGUYỄN VĂN T .

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 223/2024/HS-ST ngày 22/8/2024, của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, TP. Hà Nội.

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Phạt: Bị cáo NGUYỄN VĂN T 36 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giữ và tạm giam về tội khác.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách của bản án. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Nếu trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- Tòa án ND Q. Hà Đông;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an Q. Hà Đông;
- Chi cục THADS Q. Hà Đông;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp.
- Nơi cư trú BC.
- Lưu HS vụ án.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Vũ Thị Thu Thủy

